

Bản án số: 159/2024/HS-ST

Ngày 21/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cúc - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Hải Châu và ông Nguyễn Xuân Tùng - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyên Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. P. Tên gọi khác: không; sinh ngày: 15/7/2004 tại tỉnh Q; nơi đăng ký thường trú: tổ 34, phường A, quận T, thành phố Đ; chỗ ở: 44 H, phường H, quận C, thành phố Đ; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: P (Sinh năm: 1965) và bà: M (Sinh năm: 1972) đều còn sống; gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là con thứ 02.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 31/12/2023 bị Công an phường H, quận C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân:

- Ngày 27/01/2021 bị Công an quận T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác.

- Ngày 01/3/2023 bị TAND thành phố T, tỉnh Q xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 22/2023/HSST (tại thời điểm phạm tội P là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm

ng nghiêm trọng nên được xem là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam kể từ ngày 14/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ.

2. N. Tên gọi khác: không; sinh ngày: 06/02/1996 tại thành phố Đ. Nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Nơi tạm trú: Tổ 31, phường H, quận L, thành phố Đ. Nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: N (Chết) và bà: L (Sinh năm: 1974 - còn sống); gia đình có 03 chị, em. Bị cáo là con thứ 02.

Tiền án:

Ngày 16/01/2017 bị TAND thành phố Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 18/2017/HSPT. Chấp hành xong án phạt tù ngày 29/8/2017, chưa được xoá án tích.

Ngày 01/8/2018 bị TAND quận L xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 73/2018/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 04/8/2023, chưa được xoá án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/10/2017 bị Công an phường T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 07/11/2017 bị UBND xã H áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 04/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định khởi tố bị can số 349 đối với N về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 3 Điều 251, khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 249 BLHS. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ theo Lệnh tạm giam số 912 ngày 04/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

3. H. Tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/01/2007 tại thành phố Đ. (Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 3 tháng 05 ngày); nơi đăng ký thường trú: K18/8 đường C, phường H, quận H, thành phố Đ; nơi ở hiện nay: 31 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: H (Sinh năm : 1971) và bà: N (Sinh năm: 1976) đều còn sống. Gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là con thứ 02.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam kể từ ngày 14/4/2024 tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo H:** ông H (Sinh năm : 1971) và bà N. Cùng địa chỉ: 31 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo H:** Ông B: Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ. Địa chỉ: số 06 H, phường X, quận T, thành phố Đ. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông H, sinh năm 1971. Địa chỉ: 31 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

Chị T, sinh năm 2006. Hộ khẩu thường trú: 18 H, phường H, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

Anh N, sinh năm 2002. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Nơi ở hiện tại: Kiệt 44 N, phường H, quận L, thành phố Đ. Có mặt.

- **Người chứng kiến:** Anh T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ 11, phường H, quận C, thành phố Đ. Vắng mặt.

Anh P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

Anh T, sinh năm 1998, tổ 66 phường H, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/3/2024, P sử dụng số điện thoại 0587294666 liên lạc đến số điện thoại 0876775444 do N sử dụng để mua 20 viên ma túy thuốc lắc và 01 hộp 10 ma túy Ketamine. N nói P kết bạn zalo để liên lạc. P sử dụng tài khoản zalo mang tên “H”, N sử dụng tài khoản zalo mang tên “V”. Vài ngày sau, N liên lạc qua ứng dụng Telegram và đến khu vực đường H, thành phố Đ mua 20 viên ma túy thuốc lắc và 01 hộp 10 ma túy Ketamine của Nô (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 12.000.000đồng (giao nhận tiền mặt). Sau đó, N đem số ma túy này đến khu vực chợ H, quận L, thành phố Đ bán cho P với giá 12.000.000đồng (giao nhận tiền mặt). Vì P là em ngoài xã hội và lần đầu bán ma túy nên N không lấy lời.

Sau khi mua ma túy từ N, P đem về phân thành nhiều gói nhỏ nhằm mục đích bán lại kiếm lời. P nhờ H đi bán giúp ma túy bằng phương thức: Khi có khách liên hệ mua ma túy thì P tự thương lượng số lượng, giá cả và nói H đến tại Phòng 302, số 71 đường N, phường H, quận C, thành phố Đ nhận ma túy từ P rồi đem đi bán cho khách, P trả công cho H 300.000/01 lần bán.

Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 13/4/2024, H đã 06 lần giúp P bán trái phép chất ma túy. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/4/2024, tại khu vực khách sạn M, thành phố Đ, H giúp P bán nửa hộp 5 ma túy Ketamine và 03 viên ma túy thuốc lắc cho một khách nam không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 3.900.000 đồng. H nhận tiền mặt từ khách rồi chuyển 3.600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của P. H tự lấy 300.000 đồng tiền công.

Lần 2: Ngày 04/4/2024, tại khu vực đường N, thành phố Đ, H giúp P bán một chỉ ma túy Ketamine và 03 viên ma túy thuốc lắc cho một khách nam không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 2.200.000 đồng. H nhận tiền mặt từ khách rồi chuyển 1.900.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của P. H tự lấy 300.000 đồng tiền công.

Lần 3: Ngày 05/4/2024, tại khu vực quán T, thành phố Đ, H giúp P bán nửa hộp 5 ma túy Ketamine và 03 viên ma túy thuốc lắc cho một khách nam không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 3.700.000 đồng. H nhận tiền mặt từ khách rồi chuyển 3.400.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của P. H tự lấy 300.000 đồng tiền công.

Lần 4: Ngày 08/4/2024, tại khu vực cầu T, thành phố Đ, H giúp P bán nửa hộp 5 ma túy Ketamine và 01 viên ma túy thuốc lắc cho một khách nữ không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 2.300.000 đồng. P đã thương lượng và nhận tiền từ khách. Bán ma túy xong, H về gặp P lấy 300.000 đồng tiền công.

Lần 5: Ngày 11/4/2024, tại khu vực quán T, thành phố Đ, H giúp P bán nửa hộp 5 ma túy Ketamine và 01 viên ma túy thuốc lắc cho một khách nam không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 2.300.000 đồng. Khách nợ tiền mua ma túy nên P chưa trả tiền công cho H.

Lần 6: Lúc 22 giờ 45 phút ngày 13/4/2024, H nhận 1,027 gam ma túy, loại Ketamine và 0,424 gam ma túy, loại MDMA từ P rồi điều khiển xe mô tô Honda Vario màu trắng đen biển số: 43D1-79059 đi đến khu vực quán N, phường T, quận H, thành phố Đ để bán cho một khách nam không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 2.300.000 đồng nhưng khi H đang đi đến tại trước nhà số 31 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ phát hiện bắt quả tang.

Các lần giao dịch chuyển tiền mua bán ma túy thì P sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 0911240559 và số điện thoại 0587294666, H sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 0356092485 và số điện thoại 0399367776.

Ngày 26/6/2024, N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án khác.

Vật chứng thu giữ:

- Trong túi quần phía trước bên phải H đang mặc có 01 gói nilong màu trắng bên trong chứa: 01 viên nén màu xanh và 01 gói nilong bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng. Đã niêm phong ký hiệu A.
- 01 điện thoại di động Iphone màu đen gắn sim số: 0399367776.
- 01 xe mô tô Honda Vario màu trắng đen biển số: 43D1-79059.
- 01 Căn cước công dân mang tên H.

Đến 00 giờ 15 phút ngày 14/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của P tại Phòng 302, số 71 đường N, phường H, quận C, thành phố Đ. Kết quả kiểm tra đã phát hiện bắt quả tang đối với P về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ:

- Tại vị trí khung sắt đỡ cục nóng điều hòa của phòng có 01 gói nilong trắng bên trong chứa: 01 gói nilong trắng chứa 07 viên nén màu xanh dương và 02 gói nilong trắng đều chứa tinh thể rắn màu trắng. Đã niêm phong ký hiệu K. (P khai nhận là ma túy thuốc lắc và Ketamine mua của N, nhằm mục đích bán lại kiếm lời nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang).
- 01 Căn cước công dân mang tên P.
- 01 cân điện tử màu trắng bạc.
- 01 điện thoại di động Iphone gắn sim số: 0587294666.
- Số tiền 3.200.000 đồng.
- 01 xe mô tô Honda SH Mode màu trắng nâu biển số: 43G1-27867.

Tại thời điểm bắt quả tang còn có T nên Công an thành phố Đ mời về làm việc.

Kết quả thử test xác định P, T đều dương tính với ma túy; H âm tính với ma túy.

Kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 19/4/2024 Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đ, kết luận:

Mẫu A được chia thành các mẫu A1 và A2.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A1 là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu A1: 1,027 gam.

- Mẫu viên nén màu xanh ký hiệu A2 là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu A2: 0,424 gam.

Kết luận giám định số 308/KL-KTHS ngày 22/4/2024 Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đ, kết luận:

Mẫu K được chia thành các mẫu K1 và K2.

- Mẫu viên nén màu xanh dương, ký hiệu K1 là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu K1: 2,967 gam.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng ký hiệu K2 là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu K2: 1,978 gam.

Về xử lý vật chứng:

+ Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng đen biển số: 43D1-79059, số khung: MH1JM5111JK185558, số máy: JM51E1185544 do anh Đ đứng tên chủ sở hữu. Ngày 08/6/2023, anh Đ bán xe mô tô này cho anh N. Ngày 13/6/2023, anh N bán lại xe mô tô này cho anh H cha ruột của H. Anh H không biết H sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại cho anh H.

+ Xe mô tô nhãn hiệu Honda SH MODE màu trắng nâu biển số: 43G1-278.67, số khung RLHJF5143GZ013123, số máy: JF51E0821727 do bà B đứng tên chủ sở hữu. Ngày 01/3/2024, bà B cho chị T xe mô tô này để sử dụng. Chị T không biết và không giúp sức cho P trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại cho chị T.

P, T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 31.8.2024 truy tố bị cáo P và H, N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng: Điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị xử phạt N từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS, đề nghị xử phạt P từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy)

năm 06 (sáu) tháng tù; Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án số 22/2023/HSST ngày 01.3.2023 của TAND thành phố T, tỉnh Q.

3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 BLHS, đề nghị xử phạt H từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47, Điều 106 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và hứa sửa chữa sai lầm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt,

Người đại diện cho bị cáo H không có ý kiến về nội dung cáo trạng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo H thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố và đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đối với phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Lời khai của những người này phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến, xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên HĐXX xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điều 292 BLHS.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo P và bị cáo H:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận: Do quen biết N là người bán ma túy nên khoảng đầu tháng 4.2024 P đã gọi đến số điện thoại 0876.775.444 của N để mua ma túy với mục đích về sử dụng và bán lại kiếm lời. N đồng ý và đã giao ma túy cho P tại khu vực chợ H 20 viên ma túy thuốc lắc và hộp 10 ma túy Ketamine với giá 12.000.000 đồng. Sau khi có được ma túy, P đã phân nhỏ hộp 10 Ketamine thành 08 gói nhỏ để bán lại cho người khác. Cách thức bán ma túy là sau khi chốt khách mua ma túy, P nhờ H đi giao ma túy cho bị cáo, mỗi lần giao thành công bị cáo trả công cho H 300.000 đồng. Tổng cộng trong khoảng thời gian từ ngày 04.4.2024 đến ngày 13.4.2024 bị cáo đã 06 lần bán ma túy và cả 06 lần này đều nhờ H đi giao ma túy cho các đối tượng, trong 06 lần thì lần thứ 5 không thu được tiền vì khách hàng nợ nên cũng không trả công cho H, lần thứ 6 vào ngày 13.4.2024 khi H đang đi giao ma túy cho khách thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ bắt quả tang, thu giữ của H 1,027gam ma túy Ketamine và 0,424gam ma túy MDMA. Vào 00 giờ 15 phút ngày 14.4.2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã bắt quả tang bị cáo P có hành vi cất giấu 2,967 gam MDMA và 1,978 gam Ketamine để bán. Bị cáo P thừa nhận tổng khối lượng 02 chất ma túy mà cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của H và của bị cáo để đem bán trái phép là 3,005gam ma túy Ketamine và 3,391gam ma túy MDMA mà cơ quan giám định kết luận là của bị cáo mua của N. Số tiền bị cáo P đã trả công cho H là 1.200.000 đồng. Số tiền bị cáo P bán ma túy thu về là 12.100.000 đồng, thu lợi là 100.000 đồng.

Bị cáo H khai thống nhất với lời khai của bị cáo P, bị cáo dùng số điện thoại 0399367776 để liên lạc với bị cáo P; về nguồn gốc ma túy và 06 lần bị cáo P nhờ bị cáo đi giao ma túy cũng như tiền công 1.200.000 đồng là của bị cáo P trả công cho bị cáo. Lần thứ 6 khi đang đi giao ma túy cho khách thì bị bắt quả tang. Bị cáo thừa nhận 1,027gam ma túy Ketamine và 0,424gam ma túy MDMA mà cơ quan giám định xác định là của bị cáo P nhờ bị cáo đi bán cho khách.

[2.2] Bị cáo N khai nhận thống nhất như lời khai của bị cáo P. Khoảng đầu tháng 4.2024, P điện thoại hỏi mua ma túy, bị cáo đã mua 20 viên ma túy thuốc lắc và hộp 10 ma túy Ketamine của một người có tên là Nô với giá 12.000.000 đồng và bán cho P với giá 12.000.000 đồng không kiếm lời. Tổng khối lượng 02 chất ma túy bị cáo bán trái phép cho P còn lại theo kết quả giám định là 3,005gam ma túy Ketamine và 3,391gam ma túy MDMA là của bị cáo bán cho P.

[2.3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo P là người mua ma túy của N về để

sử dụng và bán lại kiếm lời; bị cáo H là người giúp sức cho P đi giao ma túy cho các khách hàng của bị cáo P, nhận tiền công từ bị cáo P nên bị cáo H là đồng phạm cùng với bị cáo P về hành vi bán trái phép chất ma túy. Tổng khối lượng của 02 chất ma túy Ketamine và MDMA mà N, P mua bán trái phép là $(3,005\text{gam}/20\text{gam}) \times 100\% + (3,391/05\text{gam}) \times 100\% = 82,845\% < 100\%$. Do đó, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tổng khối lượng của 02 chất ma túy Ketamine và MDMA mà H mua bán trái phép là $(1,027\text{gam}/20\text{gam}) \times 100\% + (0,424\text{gam}/05\text{gam}) \times 100\% = 13,615\% < 100\%$. Do đó, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tuy nhiên do Bị cáo P và bị cáo H nhiều lần bán trái phép chất ma túy nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo N, 01 lần bán ma túy cho P nhưng bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” trong đó bị cáo P, H với tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo N theo điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý về chất ma túy của Nhà nước. Các bị cáo nhận thức rõ chất ma túy bị pháp luật cấm nhưng vẫn mua bán. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo P có 01 tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo N và H: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo P và N thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; bị cáo H và P quá trình điều tra và tại phiên tòa tự khai ra các lần phạm tội trước đó; bị cáo P gia đình có công với cách mạng, do vậy bị cáo H và P được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Riêng Bị cáo H khi phạm tội

chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[4] Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo N có nhân thân xấu, khi phạm tội bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, hình phạt áp dụng đối với bị cáo N cao hơn bị cáo P và bị cáo H.

Bị cáo P đồng phạm với bị cáo H, bị cáo H và bị cáo P chưa có tiền án; riêng bị cáo H không có tiền sự, là người dưới 18 tuổi nên quyết định hình phạt đối với bị cáo H thấp hơn bị cáo N và P.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo P ngày 01.3.2023 bị TAND thành phố T, tỉnh Q xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ theo bản án số 22/2023/HS-ST. Tại quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số 56/2023 QĐ-CA ngày 17.4.2023 của TAND quận C, thành phố Đ thể hiện bị cáo P còn phải chấp hành 12 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Theo biên bản xác minh ngày 24.8.2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Đ thể hiện: P đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 06.5.2023 đến hết ngày 13.4.2024, bị cáo P còn 26 ngày chưa chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ vì ngày 14.4.2024 P đã bị bắt quả tang và bị tạm giam. Căn cứ điều 55 Bộ luật hình sự, quy đổi 26 ngày cải tạo không giam giữ thành 08 ngày tù và 02 ngày cải tạo không giam giữ. Do 02 ngày cải tạo không giam giữ chưa đủ để quy đổi thành 01 ngày tù theo quy định nên theo hướng có lợi cho bị cáo, hội đồng xét xử làm tròn 08 ngày tù và 02 ngày cải tạo không giam giữ thành 08 ngày tù để tổng hợp hình phạt theo Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo P mục đích bán ma túy để kiếm lời, bị cáo có nghề nghiệp nên cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 251 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa nhận thấy bị cáo H và bị cáo N không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Đối với số tiền 100.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo P và 1.200.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo H, đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu trắng đen biển số: 43D1-79059, số khung: MH1JM5111JK185558, số máy: JM51E1185544 do anh Đ đứng tên chủ sở hữu. Ngày 08/6/2023, anh Đ bán xe mô tô này cho anh N. Ngày 13/6/2023, anh N bán lại xe mô tô này cho anh H là cha ruột của bị cáo H. Anh H

không biết H sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại cho anh H là phù hợp.

Đối với Xe mô tô nhãn hiệu Honda SH MODE màu trắng nâu, biển số: 43G1-278.67, số khung RLHJF5143GZ013123, số máy: JF51E0821727 do bà B là mẹ ruột của chị T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 01/3/2024, bà B cho T xe mô tô này để sử dụng. T không biết và không giúp sức cho P trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại cho Thảo là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, gắn sim số 0587294666, số Imei 351651522908289 của bị cáo P và 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đen, gắn sim số: 0399367776, số Imei 357332093414270 của H, bị cáo H và P dùng điện thoại này để liên lạc cho việc mua bán trái phép chất ma túy, 02 điện thoại này còn giá trị sử dụng do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 3.200.000 đồng thu được của bị cáo P, đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng vì bị cáo phải chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tiếp tục giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 sim điện thoại số 0587294666 của P và 0399367776 của H không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 308/KL-KTHS ngày 22.4.2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ gồm: 1,561 gam mẫu K1; 1,354 gam mẫu K2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu.

+ Mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 19.4.2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ gồm: 0,845 gam mẫu A1; 0,296 gam mẫu A2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu.

+ 01 căn điện tử màu trắng bạc.

- Trả lại 01 căn cước công dân mang tên H, 01 căn cước công dân mang tên P.

- Đối với số tiền 3.200.000 đồng của P cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- P, T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp

- Đối với người có tên Nô là người đã bán ma túy cho N, những thanh niên mua ma túy của P, H, hiện chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[9] Chấp nhận quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo H.

[10] xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H về tội danh và các điều luật áp dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo P, H, N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo N 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo P 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14.4.2024.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt quy đổi 26 ngày cải tạo không giam giữ thành 8 ngày tù của Bản án số 22/2023 ngày 01.3.2023 của TAND thành phố T, tỉnh Q buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 07 (bảy) năm 08 (tám) ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14.4.2024.

Áp dụng khoản 5 điều 251 BLHS, phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng đã thu giữ của bị cáo P, bị cáo P còn phải nộp 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14.4.2024.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính 1.200.000 đồng của bị cáo H và 100.000 đồng của bị cáo P.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự 2015.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, gắn sim số 0587294666, số Imei 351651522908289 của bị cáo P và 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đen, gắn sim số: 0399367776, số Imei 357332093414270 của H.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 sim điện thoại số 0587294666 của P và 0399367776 của H.

+ Mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 308/KL-KTHS ngày 22.4.2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ gồm: 1,561 gam mẫu K1; 1,354 gam mẫu K2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu.

+ Mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 19.4.2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ gồm: 0,845 gam mẫu A1; 0,296 gam mẫu A2 còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu.

+ 01 cân điện tử màu trắng bạc.

- Trả lại 01 căn cước công dân mang tên H, 01 căn cước công dân mang tên P.

(Số vật chứng tịch tiêu hủy, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29.10.2024).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- Chi cục THADS quận H
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

